

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3547/TĐHYKPNT-TBDA

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2026

V/v mời các đơn vị có năng lực
và quan tâm đến các gói thầu tư vấn
thuộc dự toán mua sắm “Cung cấp dịch
vụ di dời công cụ, dụng cụ, vật tư,
hóa chất, thiết bị chuyên dụng của
Khoa Răng Hàm Mặt”

Kính gửi: Quý nhà cung cấp.

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch đang triển khai dự toán cho các gói tư vấn thuộc dự toán mua sắm “Cung cấp dịch vụ di dời công cụ, dụng cụ, vật tư, hóa chất, thiết bị chuyên dụng của Khoa Răng Hàm Mặt”.

Để có cơ sở lập giá dự toán, nhà trường kính mời các đơn vị có đủ năng lực và quan tâm đến các gói tư vấn thuộc dự toán mua sắm “Cung cấp dịch vụ di dời công cụ, dụng cụ, vật tư, hóa chất, thiết bị chuyên dụng của Khoa Răng Hàm Mặt”, vui lòng gửi Báo giá với các yêu cầu như sau:.

• **Yêu cầu mỗi đơn vị chỉ được tham gia báo giá một trong ba gói thầu tư vấn.**

• **Nội dung yêu cầu báo giá:** Theo Phụ lục đính kèm và biểu mẫu “Báo giá danh mục hàng hóa/dịch vụ” trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Bảng báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan (Chủ đầu tư không phải trả chi phí nào phát sinh thêm).

• **Thành phần báo giá (Tài liệu đính kèm khác) gồm:**

1. Bảng báo giá 01 bộ bản gốc (bao gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan – Chủ đầu tư không phải trả chi phí nào phát sinh thêm). Phụ lục chi tiết đơn giá cho từng hạng mục công việc (nếu có). Báo giá được ký bởi đại diện hợp pháp của Công ty và được đóng dấu tròn. Nếu có nhiều trang thì gấp lại tất cả các trang của báo giá;

2. Hồ sơ năng lực phù hợp với yêu cầu của gói thầu tham gia báo giá;

3. Giấy phép đăng ký kinh doanh;

4. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 180 ngày.

Kính đề nghị Quý đơn vị gửi hồ sơ nêu trên bằng hình thức sau:

1. Nhận báo giá online trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia – muasamcong.mpi.gov.vn

2. Các báo giá nhận được sau thời điểm kết thúc trên hệ thống muasamcong.mpi.gov.vn sẽ không được xem xét.

Thời gian gửi: trước 08 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 9 năm 2026

Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên: Trần Thu Thảo
- Chức vụ: Chuyên viên Phòng Thiết Bị Dự Án
- Số điện thoại: 0366966024
- Địa chỉ email: thietbi@pnt.edu.vn

**Lưu ý về tư cách hợp lệ của nhà thầu tham gia báo giá:*

- *Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;*
- *Hạch toán tài chính độc lập;*
- *Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;*
- *Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;*
- *Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật 22;*
- *Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.*

(Đính kèm: Phụ lục Bảng yêu cầu báo giá)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HT và các PHT;
- P.CNTT (để đăng Website);
- Lưu: VT, TBDA-TT (02b).

**TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG TBDA
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Đã ký

Trần Nguyễn Đan Quỳnh

PHỤ LỤC

(Đính kèm Công văn số: 3547/TĐHYKPNT-TBDA ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

BẢNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
1	Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT	Gói	01	Thực hiện cho cả 02 gói thầu gồm Gói “Di dời công cụ, dụng cụ, vật tư, hóa chất, thiết bị chuyên dụng phục vụ Nha khoa” và Gói “Di dời thiết bị chuyên dụng Lab Sinh học miệng”. Đính kèm danh mục khối lượng công việc của 02 gói thầu nói trên.
2	Tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định KQLCNT	Gói	01	
3	Tư vấn giám sát di dời	Gói	01	

 **Lưu ý:** Bảng báo giá trọn gói đã bao gồm thuế VAT, phí di chuyển và các phí, lệ phí khác có liên quan.

 **Mô tả dịch vụ và yêu cầu cho các gói tư vấn**

1. Gói “Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT” và Gói “Tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định KQLCNT”

- Thực hiện tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT, lập Báo cáo đánh giá E-HSDT.
- Thực hiện thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, lập các Báo cáo thẩm định.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Có tối thiểu 02 nhân sự đáp ứng quy định tại Điều 21, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025. Danh sách cùng lý lịch các chuyên gia.
- Có tối thiểu 02 hợp đồng tương tự phù hợp với nội dung tư vấn mà đơn vị đã thực hiện.

2. Gói “Tư vấn giám sát di dời”

- Thực hiện giám sát toàn bộ khối lượng công việc của 02 gói thầu di dời thiết bị, vật tư, công cụ, dụng cụ và hóa chất của Khoa Răng Hàm Mặt cụ thể gồm quá trình thực hiện đồng bộ các hoạt động kỹ thuật, nghiệp vụ và quản lý nhằm chuyển toàn bộ tài sản từ

cơ sở Hòa Hưng đến cơ sở Tân Nhứt. Công việc chi tiết của quá trình này là kiểm kê, đối chiếu hồ sơ tài sản; đánh giá hiện trạng; phân loại tài sản theo tính chất kỹ thuật và mức độ rủi ro; xây dựng phương án di dời; tháo dỡ; đóng gói, đóng thùng, ghi nhãn; bốc xếp; vận chuyển; bảo quản trong suốt quá trình di dời; tái lắp đặt; căn chỉnh; sửa chữa hoặc thay thế các chi tiết hư hỏng được phát hiện trước khi tháo dỡ (nếu có); vệ sinh, kiểm tra kỹ thuật; hiệu chuẩn, kiểm định theo quy định hoặc theo yêu cầu của nhà sản xuất (đối với các thiết bị có yêu cầu); chạy thử, nghiệm thu, vận hành và bàn giao đưa vào sử dụng. Việc di dời phải bảo đảm an toàn lao động, an toàn sinh học (đối với hóa chất và thiết bị chuyên ngành), an toàn phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường, bảo đảm nguyên trạng tài sản, hạn chế tối đa hư hỏng, thất thoát, duy trì đầy đủ công năng và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng theo thiết kế hoặc hướng dẫn của nhà sản xuất sau khi hoàn thành việc di dời.

- Có tối thiểu 01 nhân sự đủ điều kiện tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị, tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Kỹ thuật y sinh, điện tử y sinh, điện tử - tự động hóa.
- Hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự phù hợp với nội dung tư vấn mà đơn vị đã thực hiện.
- Đối với Công ty/ Đơn vị thực hiện huy động theo hình thức thuê chuyên gia phục vụ gói thầu. Để chứng minh năng lực và khả năng huy động nhân sự, Công ty cung cấp các tài liệu tương đương gồm: Hợp đồng thuê chuyên gia, cam kết điều động nhân sự, bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn, tối thiểu 01 quyết định phân công nhiệm vụ và các tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự của nhân sự được huy động.

DANH MỤC KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

GÓI 1: Di dời công cụ, dụng cụ, vật tư, hóa chất, thiết bị chuyên dụng phục vụ Nha khoa

I. Yêu cầu chung

1. Định nghĩa “Di dời”

Di dời thiết bị, vật tư, công cụ, dụng cụ và hóa chất là quá trình thực hiện đồng bộ các hoạt động kỹ thuật, nghiệp vụ và quản lý nhằm chuyển toàn bộ tài sản từ cơ sở Hòa Hưng đến cơ sở Tân Nhựt. Quá trình này bao gồm nhưng không giới hạn các công việc: kiểm kê, đối chiếu hồ sơ tài sản; đánh giá hiện trạng; phân loại tài sản theo tính chất kỹ thuật và mức độ rủi ro; xây dựng phương án di dời; tháo dỡ; đóng gói, đóng thùng, ghi nhãn; bốc xếp; vận chuyển; bảo quản trong suốt quá trình di dời; tái lắp đặt; căn chỉnh; sửa chữa hoặc thay thế các chi tiết hư hỏng được phát hiện trước khi tháo dỡ (nếu có); vệ sinh, kiểm tra kỹ thuật; hiệu chuẩn, kiểm định theo quy định hoặc theo yêu cầu của nhà sản xuất (đối với các thiết bị có yêu cầu); chạy thử, nghiệm thu, vận hành và bàn giao đưa vào sử dụng. Việc di dời phải bảo đảm an toàn lao động, an toàn sinh học (đối với hóa chất và thiết bị chuyên ngành), an toàn phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường, bảo đảm nguyên trạng tài sản, hạn chế tối đa hư hỏng, thất thoát, duy trì đầy đủ công năng và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng theo thiết kế hoặc hướng dẫn của nhà sản xuất sau khi hoàn thành việc di dời.

2. Mô tả dịch vụ và yêu cầu:

- Khảo sát thực tế danh mục cần di dời, đánh giá rủi ro kỹ thuật và môi trường;
- Xây dựng phương án kỹ thuật chi tiết: quy trình tháo dỡ, đóng gói, vận chuyển và hiệu chuẩn;
- Lập báo giá bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện di dời, làm cơ sở để Trường lập dự toán và xác định giá gói thầu;
- Tư vấn giải pháp đảm bảo duy trì độ chính xác và an toàn cho máy móc, thiết bị;
- Kiểm tra tình trạng hoạt động trước và sau khi di dời;
- Tháo gỡ, đóng gói trước khi di dời và lắp đặt sau khi di dời;
- Di dời đến địa điểm mới;
- Bảo trì, sửa chữa (nếu có) sau khi di dời;

- Kiểm tra, chuẩn đoán hư hỏng xảy ra sau khi lắp đặt (nếu có) và đề ra phương án sửa chữa. Mọi hư hỏng hoặc tổn thất trong quá trình di dời mà lỗi được xác định nguyên nhân do nhà thầu thì nhà thầu chịu trách nhiệm sửa chữa hoặc bồi hoàn bằng công cụ, dụng cụ, vật tư, hóa chất, thiết bị mới tương đương sau khi được Trường chấp thuận;
- Hiệu chuẩn thiết bị sau khi di dời;
- Cung cấp nhân công thực hiện khảo sát địa điểm nhận hàng và địa điểm trả hàng;
- Cung cấp nhân công thực hiện di dời từ địa điểm nhận hàng đến địa điểm trả hàng theo yêu cầu của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;
- Cung cấp vật tư đóng thùng và các thao tác để bảo vệ thiết bị chuyên dụng;
- Cung cấp xe tải di chuyển từ Hòa Hưng về Tân Nhựt và Khu B;
- Cung cấp xe cẩu để vận chuyển thiết bị (nếu cần).



Vị trí:

+ Địa điểm nhận hàng: Tầng 3,4,5 thuộc Khu C - Số 01 Dương Quang Trung, phường Hoà Hưng, TP. Hồ Chí Minh *(vị trí lắp đặt hiện tại)*.

+ Địa điểm trả hàng: Một phần tầng Hầm và các Tầng 1,2,3 – Tòa nhà F (Trung tâm Xét nghiệm Y khoa), Số 04 Trần Hữu Nghiệp, Xã Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh, Khu B - Số 461 Sư Vạn Hạnh, Phường Hòa Hưng, TP. HCM *(vị trí lắp đặt mới)*.



+ Các đơn vị quan tâm thực hiện khảo sát báo giá theo khối lượng công việc thực tế. Ghi rõ đơn giá cho từng hạng mục công việc cụ thể trong danh mục chi tiết. Liên hệ khảo sát: ThS. Trần Thu Thảo, Chuyên viên Phòng Thiết bị - Dự án, số điện thoại: 0366.966.024.

II. Danh mục chi tiết

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
1	Máy chiếu vật thể (hỗ trợ giảng dạy mẫu)	TD.KHM.1.12.1	4012881	L - 12iD	Mỹ	Elmo	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
2	Máy đánh giá thực hành	TD.KHM.1.10.41	20030-06-19-003	Dental Teacher	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
3	Bộ kết nối âm thanh (**)	TD.KHM.1.10.97		Edunet	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
4	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OB9U - A07 (1)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
5	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OGNU - A07 (2)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
6	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OBKU - A07 (3)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
7	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	95R - ON4U - A07 (4)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
8	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OANU - A07 (5)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
9	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OBAU - A07 (6)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
10	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N- OCDU - A07 (7)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
11	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OBWU - A07 (8)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
12	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OAFU - A07 (9)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
13	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OGAU - A07 (10)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
14	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OBCU - A07 (11)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
15	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OBDU - A07 (12)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
16	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OCAU - A07 (13)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
17	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OCNU - A07 (14)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
18	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OBNU - A07 (15)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
19	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OAQU - A07 (16)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
20	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OA2U - A07 (17)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
21	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96G - OXKU - A07 (18)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
22	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - OB3U - A07 (19)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
23	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	96N - O9YU- A07(20)		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
24	Hệ thống máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.19.21	007INXJ8M28 2		Việt Nam		1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
25	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000500 (17)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
26	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000519 (4)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
27	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000501 (8)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
28	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000502 (10)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
29	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000503 (7)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
30	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000504 (14)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
31	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000505 (3)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
32	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000506 (18)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
33	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000507 (11)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
34	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000508 (1)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
35	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000509 (12)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
36	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000510 (20)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
37	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000511 (6)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
38	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000512 (5)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
39	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000513 (13)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
40	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000514 (19)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
41	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000515 (2)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
42	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000516 (9)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
43	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000517 (15)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
44	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên) (**)	TD.KHM.1.20.219	10000518 (16)	DSEexpert	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
45	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho giảng viên) (**)	TD.KHM.1.20.220	10007686 (GV)	DSEclinica 15197	Đức	Kavo dental GmbH&CO.KG	1	Cái	P 3.1 - Khu C	Tòa F
46	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073657	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
47	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073658	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
48	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073655	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
49	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073547	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
50	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073654	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
51	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724480	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
52	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724477	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
53	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724533	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
54	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724539	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
55	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724537	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
56	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724470	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
57	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724467	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
58	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724471	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
59	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724535	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
60	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724536	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
61	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190725304	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
62	Máy cắt nướu răng	TD.KHM.1.10.12	2992	Doctor Smile Wiser	Ý	LAMBDA S.P.A	1	Cái	Khu C	Tòa F
63	Máy lấy dấu răng Trios 3Pod *			Surgical Cassette	Đức	Straumann	1	Cái	Khu C	Tòa F
64	Máy phát hiện sâu răng	TD.KHM.1.10.16	1005675	DIAGNOcam 2170	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C	Tòa F
65	Máy mài			HK-1/241			2	cái	Khu C	Tòa F
66	Máy đánh bóng						5	cái	Khu C	Tòa F
67	Máy rung thạch cao DENSTAR - 510						6	cái	Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
68	Ghế nha dã chiến						4	cái	Khu C	Tòa F
69	Máy nén khí (dành cho 15 đầu phantom)						3	cái	Khu C	Tòa F
70	Bình nén khí (dùng cho 1 ghế nha)			YH-04 (JPS-Trung Quốc)			1	cái	Khu C	Tòa F
71	Máy micromotor			Strong 204 + Strong 102L			16	cái	Khu C	Tòa F
72	Máy quay chiếu vật thể EPSON						1	cái	Khu C	Tòa F
73	Máy khuấy từ gia nhiệt		MC217AR000 0004				1	cái	Khu C	Tòa F
74	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS32404011		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
75	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS32404010		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
76	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050011		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
77	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050004		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
78	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050011		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
79	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050014		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
80	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050016		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
81	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050006		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
82	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050005		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
83	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050009		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
84	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050010		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
85	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050013		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
86	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050012		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
87	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050017		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
88	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050007		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
89	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS300		JS325050015		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
90	Máy nội nha tích hợp định vị chóp Jerry JS301		JS325050008		Đài Loan		1	cái	Khu C	Tòa F
91	Máy mài thạch cao nha khoa	TD.KHM.1.10.98	1074	TG LINE	Ý	Manfredi	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
92	Máy mài thạch cao nha khoa	TD.KHM.1.10.98	1075	TG LINE	Ý	Manfredi	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
93	Máy mài thạch cao nha khoa	TD.KHM.1.10.98	1076	TG LINE	Ý	Manfredi	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
94	Máy thổi cát	TD.KHM.1.10.15	1066	Oxyker Duet	Ý	Reddish Stone - Manfredi Srl	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
95	Máy thổi cát	TD.KHM.1.10.15	1067	Oxyker Duet	Ý	Reddish Stone - Manfredi Srl	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
96	Máy chiếu vật thể (hỗ trợ giảng dạy mẫu)	TD.KHM.1.12.1	4013001	L - 12iD	Mỹ	Elmo	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
97	Máy hút bụi dùng cho máy làm răng giả nha khoa	TD.KHM.1.10.28	50102495001	Ivac Eco+	Đức	Imes - icore GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
98	Máy quét mẫu hàm thạch cao (dùng trong thiết kế phục hình răng giả nha khoa)	TD.KHM.1.10.29	OPTREV-N-1040	3D Scanner Neway	Ý	Open technologies S.R.L	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
99	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831623	Q Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
100	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832577	Q Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
101	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832578	Q Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
102	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832579	Q Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
103	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832580	Q Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
104	Máy tạo mẫu hàm giả nha khoa	TD.KHM.1.10.87	ET.PV.19.11.P VD071	Perfactory Vida	Đức	Envisiontec GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
105	Máy tạo mẫu hàm giả nha khoa	TD.KHM.1.10.87	ET.PV.19.11.P VD073	Perfactory Vida	Đức	Envisiontec GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
106	Lò nung ống đúc nha khoa	TD.KHM.1.10.99	1126	WARMY 9"V"	Ý	Manfredi	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
107	Lò nung ống đúc nha khoa	TD.KHM.1.10.99	1127	WARMY 9"V"	Ý	Manfredi	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
108	Máy cắm pin (cắt khuôn răng)	TD.KHM.1.10.100	B1211305	G1 CONCEPT	Đức	Schick GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
109	Máy cắm pin (cắt khuôn răng)	TD.KHM.1.10.100	B1211306	G1 CONCEPT	Đức	Schick GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
110	Phần mềm cho máy làm răng giả	TD.KHM.1.16.6		CAM software for 650i	Ý	CIM SYSTEM	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
111	Máy trộn thạch cao	TD.KHM.1.10.44	1258	MIXYVAC-S	Ý	Manfred	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
112	Máy trộn thạch cao	TD.KHM.1.10.44	1259	MIXYVAC-S	Ý	Manfred	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
113	Máy làm răng giả nha khoa *	TD.KHM.1.10.27	703629/1	Coritec 650i	Đức	Imes -icore GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
114	Phần mềm thiết kế dùng cho máy quét mẫu hàm thạch cao	TD.KHM.1.16.2			Ý	Open technologies S.R.L	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
115	Máy nung nha khoa	TD.KHM.1.10.30	L002320	Austromat 674 basic	Đức	Dekema dental - Keramikofen GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
116	Máy nung nha khoa	TD.KHM.1.10.30	F000320	Austromat 674 basic	Đức	Dekema dental - Keramikofen GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
117	Máy nung nha khoa	TD.KHM.1.10.30	F000420	Austromat 674 basic	Đức	Dekema dental - Keramikofen GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
118	Máy đúc kim loại nha khoa	TD.KHM.1.10.46	940	SmallCast SN HD	Ý	Manfredi	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
119	Hệ thống hút bụi	TD.KHM.1.2.23	A1399062	SILIENT COMPACT	Đức	RENFERT	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
120	Máy hàn nha khoa	TD.KHM.1.10.24	383	ODONTO WELD ORTHO	Ý	Reddish Stone - Manfredi Srl	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
121	Máy cắt khuôn răng	TD.KHM.1.10.45	A831703	G2 Concept	Đức	Schick GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
122	Máy cắt khuôn răng	TD.KHM.1.10.45	A831704	G2 Concept	Đức	Schick GmbH	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
123	Bàn thực hành	TD.KHM.1.17.6		Masterspace	Đức	Kavo dental GmbH & CO.K	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
124	Bàn thực hành	TD.KHM.1.17.6		Masterspace	Đức	Kavo dental GmbH & CO.K	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
125	Bàn thực hành	TD.KHM.1.17.6		Masterspace	Đức	Kavo dental GmbH & CO.K	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
126	Bàn thực hành	TD.KHM.1.17.6		Masterspace	Đức	Kavo dental GmbH & CO.K	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
127	Bàn thực hành	TD.KHM.1.17.6		Masterspace	Đức	Kavo dental GmbH & CO.K	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
128	Bàn thực hành	TD.KHM.1.17.6		Masterspace	Đức	Kavo dental GmbH & CO.K	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
129	Bàn thực hành	TD.KHM.1.17.6		Masterspace	Đức	Kavo dental GmbH & CO.K	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
130	Bàn thực hành	TD.KHM.1.17.6		Masterspace	Đức	Kavo dental GmbH & CO.K	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
131	Bàn thực hành	TD.KHM.1.17.6		Masterspace	Đức	Kavo dental GmbH & CO.K	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
132	Bàn thực hành	TD.KHM.1.17.6		Masterspace	Đức	Kavo dental GmbH & CO.K	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
133	Bàn thực hành	TD.KHM.1.17.6		Masterspace	Đức	Kavo dental GmbH & CO.K	1	Cái	P 3.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
134	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831356	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
135	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831357	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
136	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831574	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
137	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831575	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
138	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831576	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
139	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831577	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
140	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831578	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
141	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831579	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
142	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831580	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
143	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831581	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
144	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831582	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
145	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831583	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
146	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831584	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
147	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831585	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
148	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A831586	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
149	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832714	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
150	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832715	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
151	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832716	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
152	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832717	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
153	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832718	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
154	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832719	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
155	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832720	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
156	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832721	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
157	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832722	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
158	Máy mài khuôn răng	TD.KHM.1.10.43	A832723	S1 Basic	Đức	Schick GmbH	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
159	Máy hút dịch	TD.KHM.1.7.24	4412	Code 28231 TOBI CLINIC	Ý	Gima S.p.A	1	Cái	P. Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
160	Máy cắt đốt cao tần	TD.KHM.1.10.10	ASP0420052	A1250S	Mỹ	Bovie Medical Corporation	1	Cái	P. Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
161	Máy phát hiện sâu răng	TD.KHM.1.10.16	1005671	DIAGNOcam 2170	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
162	Máy phát hiện sâu răng	TD.KHM.1.10.16	1005672	DIAGNOcam 2171	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
163	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073639	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
164	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760071926	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
165	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760071927	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
166	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760071928	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
167	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073655	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
168	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073656	Demi Ultra	Mỹ (Lắp	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
					ráp tại Trung Quốc)				Hòa Hưng	
169	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073543	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
170	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073545	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
171	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073546	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
172	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073548	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
173	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760071922	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
174	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760071923	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
175	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760071924	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
176	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760071925	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
177	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073522	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
178	Máy trám răng nha khoa (DEMI PLUS)	TD.KHM.1.10.20	760073659	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
179	Máy chẩn đoán cảm khớp điện toán	TD.KHM.1.10.25	103-3311	Tscan Novous	Mỹ	Tekscan, Inc (BioResearch Associates Inc)	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
180	Máy khoan răng	TD.KHM.1.10.90	1011731	EXPERTsur rg Lux	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
181	Máy thổi cát	TD.KHM.1.10.15	1002342	Oxyker Duet	Ý	Reddish Stone - Manfredi Srl	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
182	Máy thổi cát	TD.KHM.1.10.15	1002339	Oxyker Duet	Ý	Reddish Stone - Manfredi Srl	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
183	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724479	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
184	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724474	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
185	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724472	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
186	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724473	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	Khu C - Cơ sở	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
									Hòa Hưng	
187	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724475	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
188	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724534	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
189	Máy đo chiều dài ống tủy - APEX ID	TD.KHM.1.10.18	AI190724468	Apex ID	Hàn Quốc	S-DENTI CO., LTD (Sybronendo)	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
190	Đèn tẩy trắng răng - RADII PLUS	TD.KHM.1.10.19	78586	Radii Plus	Úc	SDI Limited	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
191	Đèn tẩy trắng răng - RADII PLUS	TD.KHM.1.10.19	78589	Radii Plus	Úc	SDI Limited	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
192	Máy trám răng nha khoa - DEMI ULTRA	TD.KHM.1.10.20	787047225	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
193	Máy trám răng nha khoa - DEMI ULTRA	TD.KHM.1.10.20	787047245	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
194	Máy trám răng nha khoa - DEMI ULTRA	TD.KHM.1.10.20	787047246	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
195	Máy trám răng nha khoa - DEMI ULTRA	TD.KHM.1.10.20	787047259	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
196	Máy trám răng nha khoa - DEMI ULTRA	TD.KHM.1.10.20	787047282	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
197	Máy trám răng nha khoa - DEMI ULTRA	TD.KHM.1.10.20	787047318	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
198	Máy trám răng nha khoa - DEMI ULTRA	TD.KHM.1.10.20	787047319	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
					Trung Quốc)					
199	Máy trám răng nha khoa - DEMI ULTRA	TD.KHM.1.10.20	787047346	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
200	Máy trám răng nha khoa - DEMI ULTRA	TD.KHM.1.10.20	787047398	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
201	Máy trám răng nha khoa - DEMI ULTRA	TD.KHM.1.10.20	787047403	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
202	Máy trám răng nha khoa - DEMI ULTRA	TD.KHM.1.10.20	787047405	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
203	Máy trám răng nha khoa - DEMI ULTRA	TD.KHM.1.10.20	787047406	Demi Ultra	Mỹ (Lắp ráp tại Trung Quốc)	Kerr corporation	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
204	Ghế nha điều trị (bao gồm màn hình và cần màn hình) (*)	TD.KHM.1.10.71	10207514	Primus 1058 life TM	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
205	Ghế nha điều trị (bao gồm màn hình và cần màn hình) (*)	TD.KHM.1.10.71	10207515	Primus 1058 life TM	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
206	Ghế nha điều trị (bao gồm màn hình và cần màn hình) (*)	TD.KHM.1.10.71	10207516	Primus 1058 life TM	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
207	Ghế nha điều trị (bao gồm màn hình và cần màn hình) (*)	TD.KHM.1.10.71	10207517	Primus 1058 life TM	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
208	Ghế nha điều trị (bao gồm màn hình và cần màn hình) (*)	TD.KHM.1.10.71	10207518	Primus 1058 life TM	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
209	Ghế nha điều trị (bao gồm màn hình và cần màn hình) (*)	TD.KHM.1.10.71	10207519	Primus 1058 life TM	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
210	Ghế nha điều trị (bao gồm màn hình và cần màn hình) (*)	TD.KHM.1.10.71	10207522	Primus 1058 life TM	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
211	Ghế nha điều trị (bao gồm màn hình và cần màn hình) (*)	TD.KHM.1.10.71	10207525	Primus 1058 life TM	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
212	Ghế nha điều trị (bao gồm màn hình và cần màn hình) (*)	TD.KHM.1.10.71	10207526	Primus 1058 life TM	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
213	Ghế nha điều trị (bao gồm mâm điều trị rời, màn hình và cần màn hình) (*)	TD.KHM.1.10.70	10207531	Primus 1058 life TM	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
214	Ghế nha điều trị (bao gồm mâm điều trị rời, màn hình và cần màn hình) (*)	TD.KHM.1.10.70	10207532	Primus 1058 life TM	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
215	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	9CK-09MU - A09		Việt Nam		1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
216	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	99P-012U		Việt Nam		1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
217	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	9CK-093U		Việt Nam		1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
218	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	9CK-0A0U		Việt Nam		1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
219	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	99P-0BLU		Việt Nam		1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
220	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	99P-0BGU		Việt Nam		1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
221	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	99P-0B7U		Việt Nam		1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
222	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	99P-0B8U		Việt Nam		1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
223	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	99P-0AUU		Việt Nam		1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
224	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	9CK-09YU		Việt Nam		1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
225	Màn hình máy tính (hỗ trợ theo dõi đào tạo)	TD.KHM.1.12.6	99P - OB9U		Việt Nam		1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
226	Máy cạo vôi	TD.KHM.1.10.81	G130-16326	Bobcat Pro	Mỹ	Dentsply LLC(Professional	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
227	Máy cạo vôi	TD.KHM.1.10.81	G130-16335	Bobcat Pro	Mỹ	Dentsply LLC(Professional	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
228	Máy cạo vôi	TD.KHM.1.10.81	G130-16355	Bobcat Pro	Mỹ	Dentsply LLC(Professional	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
229	Máy cạo vôi	TD.KHM.1.10.81	G130-16347	Bobcat Pro	Mỹ	Dentsply LLC(Professional	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
230	Máy cạo vôi	TD.KHM.1.10.81	G130-16329	Bobcat Pro	Mỹ	Dentsply LLC(Professional	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
231	Máy X-Quang nha khoa (DC) (*)	TD.KHM.1.1.1.7	F46963	Focus	Phân Lan	Instrumentarium dental, Palodex Oy Group	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
232	Máy X-Quang nha khoa (DC) (*)	TD.KHM.1.1.1.7	F46964	Focus	Phản Lan	Instrumentarium dental, Palodex Oy Group	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
233	Máy xử lý tay khoan (*)	TD.KHM.1.10.68	202012+1171	MELA Quick with 12 +	Đức	Melag Medizintechnik OHG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
234	Máy xử lý tay khoan (*)	TD.KHM.1.10.68	202012+1173	MELA Quick with 12 +	Đức	Melag Medizintechnik OHG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
235	Máy hàn túi đựng dụng cụ nha	TD.KHM.1.10.98	20202001657	Melaseal 200	Đức	Melag Medizintechnik OHG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
236	Máy rửa dụng cụ	TD.KHM.1.7.124	202010-DTB3261	MELAtherm	Đức	Melag Medizintechnik OHG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
237	Máy rửa dụng cụ	TD.KHM.1.7.124	202010-DTB3260	MELAtherm	Đức	Melag Medizintechnik OHG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
238	Nồi hấp tiệt trùng (*)	TD.KHM.1.7.123	202043-B1182	Vacuklav 43B+	Đức	Melag Medizintechnik OHG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
239	Nồi hấp tiệt trùng (*)	TD.KHM.1.7.123	202043-B1183	Vacuklav 43B+	Đức	Melag Medizintechnik OHG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
240	Nồi hấp tiệt trùng (*)	TD.KHM.1.7.123	202043-B1185	Vacuklav 43B+	Đức	Melag Medizintechnik OHG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
241	Máy tra dầu tay khoan	TD.KHM.1.10.40	0029782	Quattrocare plus	Hungary	Kavo dental GmhB& CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
242	Kính hiển vi phẫu thuật (*)	TD.KHM.1.11.31	6813121091	Opmi Pico	Đức	Carl Zeiss Meditec	1	Cái	P-4.4 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
243	Máy X-Quang nha khoa (DC) (*)	TD.KHM.1.1.1.7	F45713	Focus	Phân Lan	Instrumentarium dental, Palodex Oy Group	1	Cái	P-4.4 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
244	Ghế nha điều trị đa chức năng (*)	TD.KHM.1.10.8	20203547	Estetica E70 Vision C	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	P-4.4 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
245	Đèn mổ treo trần	TD.KHM.1.3.15	05V900270620	EMALÉD 500	Đức	Ema - led GMBH	1	Cái	P-4.4 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
246	Ghế nha điều trị đa chức năng (*)	TD.KHM.1.10.8	20203546	Estetica E70 Vision C	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	P-4.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
247	Đèn mổ treo trần	TD.KHM.1.3.15	05V900260620	EMALÉD 500	Đức	Ema - led GMBH	1	Cái	P-4.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
248	Máy X-Quang nha khoa (DC) (*)	TD.KHM.1.1.1.7	F45711	Focus	Phần Lan	Instrumentarium dental, Palodex Oy Group	1	Cái	P-4.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
249	Kính hiển vi phẫu thuật (*)	TD.KHM.1.11.31	6813121090	Opmi Pico	Đức	Carl Zeiss Meditec	1	Cái	P-4.6 Khu C	Khu B - Hòa Hưng
250	Máy nén khí lưu lượng khí nén ≥ 475 NI/phút	TD.KHM.1.15.3	T3103699	AC600	Ý	Cattani	1	Cái	Hầm - Khu C	Khu B - Hòa Hưng
251	Máy nén khí lưu lượng khí nén ≥ 710 nl/phút (**)	TD.KHM.1.10.79	T3103694	AC900	Ý	Cattani	1	Cái	Hầm - Khu C	Tòa F
252	Máy nén khí lưu lượng khí nén ≥ 710 nl/phút (**)	TD.KHM.1.15.4	T3103716	AC900	Ý	Cattani	1	Cái	Hầm - Khu C	Tòa F
253	Máy nén khí	TD.KHM.1.10.79	T3103714	AC900	Ý	Cattani	1	Cái	Hầm - Khu C	Tòa F
254	Máy hút trung tâm	TD.KHM.1.15.2	WP137521	Maxi Smart Without covers	Ý	Cattani	1	Cái	Hầm - Khu C	Tòa F
255	Máy in phim khô	TD.KHM.1.1.1.16	121331	Drystar 5302	Đức	Agfa Heathcare	1	Cái	P-4.1 Khu C	Tòa F
256	Máy đọc phim X-quang nha khoa	TD.KHM.1.10.17	KL1916993	Scan Exam One (Exam 6 -1)	Phần Lan	Instrumentarium dental, Palodex Oy Group	1	Cái	P-4.1 Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
257	Máy X-Quang nha khoa, FOV ≥13x15 (*)	TD.KHM.1.1.1.5	IE1908267	Orthopantomograph OP 3D PRO with Ceph (OP300-1)	Phản Lan	Instrumentarium dental, Palodex Oy Group	1	Cái	P-4.1 Khu C	Tòa F
258	Máy X-Quang nha khoa (DC) (*)	TD.KHM.1.1.1.7	F45710	Focus	Phản Lan	Instrumentarium dental, Palodex Oy Group	1	Cái	P-4.1 Khu C	Tòa F
259	Dụng cụ định vị mẫu hàm	TD.KHM.1.10.84	Mã:151680	MPV 565M-Mandibular Position VARIATOR III MPS	Đức	Sam Prazisiontechnik GmbH	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
260	Bộ giá khớp (bán điều chỉnh) - SAM	TD.KHM.1.17.24	1bộ có 8 giá : 1 Bộ chính số 169207 và 7 bộ phụ : 237, 241, 236, 239, 209, 245 169207	ATR 315M-Articulator SAM 2P, MPS with curvature 1	Đức	Sam Prazisiontechnik GmbH	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
261	Bộ giá khớp (điều chỉnh toàn phần) SAM	TD.KHM.1.17.25	1 bộ có 5 giá: 1 bộ chính số 169095 và 4 bộ phụ : 099, 096, 101	ART 565M-Articulator SAM 3	Đức	Sam Prazisiontechnik GmbH	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
				professiona 1						
262	Bộ nha chu Hu-Friedy	NA.TDT6.10.51			Mỹ	Hu-friedy	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
263	Kính phóng đại	TD.KHM.1.10.21	6,905E+09	EyeMag Smart	Đức	Carl Zeiss Meditec	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
264	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85	Mã:ART2003 17G	E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
265	Song Song Kế						8	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
266	Bộ cố định mẫu vật (Cty Sanwa + Việt Đăng) - gắn đầu heo						7	cái	P. 4.8 khu C	Tòa F
267	Đèn Led đọc phim						16	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
268	Bộ PKT điều khắc sáp						3 bộ/ 5 cây	bộ	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
269	Bàn ép nhựa nấu con đội						3	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
270	Càng ép inox 2 khuôn						15	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
271	Khuôn ép số 1 (lớn) - Múp đồng						12	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
272	Bộ đặt Đê cao su có kèm bấm lỗ(Ruberdam)						8	bộ	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
273	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85	Mã:ART2003 17G	E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
274	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
275	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
276	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
277	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
278	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
279	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
280	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
281	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
282	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
283	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
284	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
285	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
286	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
287	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
288	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
289	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
290	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
291	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
292	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
293	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
294	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
295	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
296	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
297	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
298	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
299	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
300	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
301	Bộ giá khớp	TD.KHM.1.10.85		E - 200	Hàn Quốc	CORIDENT CO	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
302	Thiết bị ghi điện cơ	TD.KHM.1.7.106	2018-E40133	BioEMG III T-Scan/EMG link Software	Mỹ	BioResearch Associates Inc	1	Cái	P. Kho Khu C	Tòa F
303	Thiết bị đánh giá độ vững ổn implant	TD.KHM.1.10.31	13283	Osstell ISQ	Thụy Điển	Osstell	1	Cái	Khu C - Cơ sở	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
									Hòa Hưng	
304	Máy sốc tim (có màn hình theo dõi)	TD.KHM.1.3.14	20063790				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
305	Kính phóng đại	TD.KHM.1.10.21	6905117362	EyeMag Smart	Đức	Carl Zeiss Meditec	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
306	Kính phóng đại	TD.KHM.1.10.21	6905117368	EyeMag Smart	Đức	Carl Zeiss Meditec	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
307	Kính phóng đại	TD.KHM.1.10.21	6905117433	EyeMag Smart	Đức	Carl Zeiss Meditec	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
308	Kính phóng đại	TD.KHM.1.10.22	6,905E+09	EyeMag Smart	Đức	Carl Zeiss Meditec	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
309	Kính phóng đại	TD.KHM.1.10.23	6,905E+09	EyeMag Smart	Đức	Carl Zeiss Meditec	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
310	Kính phóng đại	TD.KHM.1.10.21	6905117430	EyeMag Smart	Đức	Carl Zeiss Meditec	1	Cái	Khu C - Cơ sở	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
									Hòa Hưng	
311	Kính phóng đại	TD.KHM.1.10.21	6905117429	EyeMag Smart	Đức	Carl Zeiss Meditec	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
312	Kính phóng đại	TD.KHM.1.10.21	6,905E+09	EyeMag Smart	Đức	Carl Zeiss Meditec	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
313	Kính phóng đại	TD.KHM.1.10.21	6,905E+09	EyeMag Smart	Đức	Carl Zeiss Meditec	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
314	Bộ vi phẫu nội nha	TD.KHM.1.10.22			Mỹ	Hu-friedy	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
315	Bộ vi phẫu nội nha	TD.KHM.1.10.22			Mỹ	Hu-friedy	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
316	Bộ vi phẫu nội nha	TD.KHM.1.10.22			Mỹ	Hu-friedy	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
317	Tay cạo vôi răng	TD.KHM.1.10.23	JV010309	PIEZOssoft	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
									Hòa Hưng	
318	Tay cạo vôi răng	TD.KHM.1.10.23	JV010312	PIEZOssoft	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
319	Tay cạo vôi răng	TD.KHM.1.10.23	JV010313	PIEZOssoft	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
320	Tay cạo vôi răng	TD.KHM.1.10.23	JV010314	PIEZOssoft	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
321	Tay cạo vôi răng	TD.KHM.1.10.23	JV010326	PIEZOssoft	Đức	Kavo dental GmbH & CO.KG	1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
322	Bộ phẫu thuật Implant	TD.KHM.1.1.92					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
323	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	Smarttorquemi ni S605C:1010036				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
324	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS609C:1047670				1	Cái	Khu C - Cơ sở	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
									Hòa Hưng	
325	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS609C:1047710				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
326	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	Smarttorquemi ni S605C:1010037				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
327	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	Smarttorquemi ni S605C:1010086				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
328	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	Smarttorquemi ni S605C:1010095				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
329	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS609C:1047649				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
330	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS609C:1047702				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
331	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	Smarttorquemi ni				1	Cái	Khu C - Cơ sở	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
			S605C:101002 1						Hòa Hưng	
332	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047679				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
333	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047708				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
334	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	Smarttorquemi ni S605C:101003 4				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
335	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047697				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
336	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047714				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
337	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047651				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
338	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047677				1	Cái	Khu C - Cơ sở	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
									Hòa Hưng	
339	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047707				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
340	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047703				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
341	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047650				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
342	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047709				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
343	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047713				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
344	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005642				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
345	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005620				1	Cái	Khu C - Cơ sở	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
									Hòa Hưng	
346	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005645				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
347	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005612				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
348	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005618				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
349	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005584				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
350	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005643				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
351	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005615				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
352	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005600				1	Cái	Khu C - Cơ sở	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
									Hòa Hưng	
353	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005550				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
354	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005611				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
355	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005592				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
356	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005609				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
357	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005610				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
358	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005613				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
359	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005616				1	Cái	Khu C - Cơ sở	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
									Hòa Hưng	
360	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005646				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
361	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005644				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
362	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005619				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
363	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005617				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
364	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005614				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
365	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105715				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
366	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105704				1	Cái	Khu C - Cơ sở	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
									Hòa Hưng	
367	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105719				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
368	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105720				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
369	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105716				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
370	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105725				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
371	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105730				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
372	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105709				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
373	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105728				1	Cái	Khu C - Cơ sở	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
									Hòa Hưng	
374	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105721				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
375	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105712				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
376	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105732				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
377	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105731				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
378	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105705				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
379	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105708				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
380	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105726				1	Cái	Khu C - Cơ sở	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
									Hòa Hưng	
381	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105724				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
382	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105703				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
383	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105723				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
384	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105702				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
385	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105714				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
386	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 2020105714				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
387	Mâm inox						7	cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
388	Dao sáp cán gỗ						4	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
389	Dao sáp gọt thạch cao						5	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
390	Dao số 3						5	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
391	Dao số 7						5	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
392	Bay lớn cán gỗ đầu inox						12	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
393	Bay sáp lớn cán gỗ						20	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
394	Bay trộn đầu nhỏ inox(cán bằng gỗ)						4	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
395	Đèn cồng inox						20	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
396	Cây số 1 bộ PKT (OSUNG MND)						29	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
397	Kẹp kim phẫu thuật 16cm						2	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
398	Kẹp phẫu tích có mẫu						8	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
399	Kẹp phẫu tích không mẫu						4	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
400	Dao Orban						2	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
401	Dao Kirland (dao cắt nướu)						2	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
402	Dũa xương thẳng						4	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
403	Dũa xương cong						4	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
404	Đục xương DE Chisal						2	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
405	Nhét chỉ						30	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
406	Kèm bê móc 3 chấu						19	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
407	Kèm bê móc 2 chấu						32	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
408	Kèm bê bình thường (kèm cắt)						10	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
409	giá khớp bản lề (inox)						30	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
410	Giá khớp bán thích ứng (màu xanh biển) 19660 + phụ tùng						40	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
411	Bộ cung mặt						20	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
412	Bảng so màu Vita						2	bảng	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
413	Thước đo cầu mào trong Labo						6	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
414	Thước Fox						20	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
415	Kèm cắt thạch cao						1	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
416	Khay lấy dầu inox (U2-L2)						8	cặp	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
417	Khay lấy dầu inox (U4-L4)						5	cặp	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
418	Khay lấy dầu inox (U5-L5)						3	cặp	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
419	Khay lấy dầu inox (U3-L3)						1	cặp	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
420	Khay lấy dầu inox (U1-L1)						13	cặp	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
421	Khuôn trám kim loại (Toflemire) giữ khuôn						10	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
422	Syringe nhựa bơm cao su (ống bơm cao su)						10	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
423	Ổng chích sắt						15	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
424	Súng dùng cho cao su Light - Heavy						3	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
425	Khay inox 17 x23 (BĐK)						20	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
426	Bộ đặt đê cao su bao gồm 1 kèm, 1 kẹp, 12 clamp						22	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
427	Nạ thẳng						8	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
428	Nạ khuỷu						2	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
429	Nạ Rootip						1/3 cây	Bộ	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
430	Nay Winter						1	Cặp	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
431	Kèm nhỏ răng cửa hàm trên						3	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
432	Kèm 150						3	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
433	Kèm nhỏ răng 6-7 hàm trên số 17						3	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
434	Kèm nhỏ răng 6-7 hàm trên số 18						4	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
435	Kèm nhỏ chân răng hàm trên số 51						3	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
436	Kèm nhỏ răng 8 hàm trên số 67						3	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
437	Kèm mỏ chim nhỏ răng cửa hàm dưới số 13						3	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
438	Kèm 151						4	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
439	Kèm sừng bò hàm trên						2	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
440	Kèm mỏ chim nhỏ chân răng cửa số 74						3	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
441	Kèm nhỏ răng 8 hàm dưới						3	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
442	Kèm mỏ chim nhỏ răng cối lớn hàm dưới						1	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
443	Kèm càng cua nhỏ răng hàm dưới						3	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
444	Cây nạo túi						6	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
445	Cây đo túi nha chu						3	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
446	Cây bóc tách						2	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
447	Cây trám 2 đầu nhồi						2	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
448	Kéo cắt nhỏ						6	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
449	Cán dao mổ						6	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
450	Nồi Wash Sáp						7	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
451	Áo chì chắn tia X						2	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
452	Insert 25K SLI - 10S						5	hộp	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
453	Jacket 1(cạo vô tay)						5	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
454	Jacket 2 (cạo vô tay)						5	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
455	Jacket 3 (cạo vô tay)						5	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
456	Cán gương						40	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
457	Thâm trầm						40	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
458	Kẹp gấp						40	cây	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
459	Khay BDK						40	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
460	Kẹp phẫu thuật Adson 16cm						5	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
461	Kẹp Pen cong 14cm						5	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
462	Khay inox 32 x 22						5	cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
463	Mould 32R						24	Cặp	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
464	Mould Trẻ em						23	Cặp	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
465	Mould 28R						20	Cặp	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
466	Mould mất răng toàn hàm						18	Cặp	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
467	Mould cùi răng						17	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
468	Mould biến thể						15	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
469	Mould Kennedy						16	Cặp	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
470	Bay đánh kim loại						10	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
471	Bộ phẫu thuật trong miệng cơ bản	TD.KHM.1.10.32	HU-FRIEDY				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
472	Bộ dụng cụ phẫu thuật chân răng nhân tạo (implant)	TD.KHM.1.10.33	Mã:20191217 0825 - XIFS				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
473	Bộ dụng cụ phẫu thuật chân răng nhân tạo (mini - implant)	TD.KHM.1.10.33	XIFS				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
474	Bộ phẫu thuật implant lạnh thương	TD.KHM.1.10.34	SIC				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
475	Bộ dụng cụ cắt xương	TD.KHM.1.10.36	Mã:20190919 0073				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
476	Bộ dụng cụ cắt xương	TD.KHM.1.10.36					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
477	Bộ dụng cụ nâng xoang	TD.KHM.1.10.37	Mã:20190829 0095 - XOFBK				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
478	Bộ dụng cụ nâng xoang	TD.KHM.1.10.37					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
479	Bộ dụng cụ ghép xương	TD.KHM.1.10.38					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
480	Bộ dụng cụ ghép xương	TD.KHM.1.10.38					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
481	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
482	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
483	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
484	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
485	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
486	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
487	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
488	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
489	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
490	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
491	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
492	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
493	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
494	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
495	Bộ phục hình (bao gồm khay lấy dấu, dụng cụ nhỏ...)	TD.KHM.1.10.88					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
496	Bộ dụng cụ phẫu thuật chân răng nhân tạo	TD.KHM.1.10.91	Mã:20190211 0144 - UXIF				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
497	Bộ dụng cụ phẫu thuật chân răng nhân tạo	TD.KHM.1.10.91	Mã:20190211 0144 - UXIF				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
498	Bộ phẫu thuật implant	TD.KHM.1.10.92	STRAUMAN N				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
499	Bộ dụng cụ nâng xoang (hở)	TD.KHM.1.10.93	Mã:20191025 0156 - DASK				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
500	Bộ dụng cụ nâng xoang (hở)	TD.KHM.1.10.93					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
501	Dụng cụ ghép xương (nong xương)	TD.KHM.1.10.94					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
502	Dụng cụ ghép xương (nong xương)	TD.KHM.1.10.94					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
503	Dụng cụ ghép xương (nong xương)	TD.KHM.1.10.94					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
504	Bộ nội nha	TD.KHM.1.10.52					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
505	Bộ nội nha	TD.KHM.1.10.52					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
506	Bộ nội nha	TD.KHM.1.10.52					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
507	Bộ nội nha	TD.KHM.1.10.52					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
508	Bộ nội nha	TD.KHM.1.10.52					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
509	Bộ chữa răng – nội nha (bao gồm dụng cụ nhỏ các loại)	TD.KHM.1.10.81					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
510	Bộ chữa răng – nội nha (bao gồm dụng cụ nhỏ các loại)	TD.KHM.1.10.81					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
511	Bộ chữa răng – nội nha (bao gồm dụng cụ nhỏ các loại)	TD.KHM.1.10.81					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
512	Bộ chữa răng – nội nha (bao gồm dụng cụ nhỏ các loại)	TD.KHM.1.10.81					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
513	Bộ chữa răng – nội nha (bao gồm dụng cụ nhỏ các loại)	TD.KHM.1.10.81					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
514	Bộ chữa răng – nội nha (bao gồm dụng cụ nhỏ các loại)	TD.KHM.1.10.81					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
515	Bộ chữa răng – nội nha (bao gồm dụng cụ nhỏ các loại)	TD.KHM.1.10.81					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
516	Bộ chữa răng – nội nha (bao gồm dụng cụ nhỏ các loại)	TD.KHM.1.10.81					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
517	Bộ chữa răng – nội nha (bao gồm dụng cụ nhỏ các loại)	TD.KHM.1.10.81					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
518	Bộ chữa răng – nội nha (bao gồm dụng cụ nhỏ các loại)	TD.KHM.1.10.81					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
519	Vali cấp cứu	TD.KHM.1.10.39	12184				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
520	Vali cấp cứu	TD.KHM.1.10.39	12192				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
521	Vali cấp cứu	TD.KHM.1.10.39	12183				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
522	Bộ dụng cụ chỉnh nha cơ bản	TD.KHM.1.10.42	YDM				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
523	Bộ dụng cụ chỉnh nha cơ bản	TD.KHM.1.10.42	YDM				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
524	Bộ dụng cụ chỉnh nha cơ bản	TD.KHM.1.10.42	YDM				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
525	Bộ dụng cụ chỉnh nha cơ bản	TD.KHM.1.10.42	YDM				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
526	Bộ dụng cụ chỉnh nha cơ bản	TD.KHM.1.10.42	YDM				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
527	Bộ dụng cụ chỉnh nha cơ bản	TD.KHM.1.10.42	YDM				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
528	Bộ dụng cụ chỉnh nha cơ bản	TD.KHM.1.10.42	YDM				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
529	Bộ dụng cụ chỉnh nha cơ bản	TD.KHM.1.10.42	YDM				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
530	Bộ dụng cụ chỉnh nha cơ bản	TD.KHM.1.10.42	YDM				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
531	Bộ dụng cụ chỉnh nha cơ bản	TD.KHM.1.10.42	YDM				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
532	Bộ huấn luyện phẫu thuật cơ bản	TD.KHM.1.20.221					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
533	Bộ huấn luyện phẫu thuật cơ bản	TD.KHM.1.20.221					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
534	Bộ huấn luyện phẫu thuật cơ bản	TD.KHM.1.20.221					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
535	Bộ huấn luyện phẫu thuật cơ bản	TD.KHM.1.20.221					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
536	Bộ huấn luyện phẫu thuật cơ bản	TD.KHM.1.20.221					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
537	Bộ huấn luyện phẫu thuật cơ bản	TD.KHM.1.20.221					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
538	Bộ huấn luyện phẫu thuật cơ bản	TD.KHM.1.20.221					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
539	Bộ huấn luyện phẫu thuật cơ bản	TD.KHM.1.20.221					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
540	Bộ huấn luyện phẫu thuật cơ bản	TD.KHM.1.20.221					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F
541	Bộ huấn luyện phẫu thuật cơ bản	TD.KHM.1.20.221					1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
542	Tay khoan phẫu thuật chiều dài mũi: 25 mm ±5 mm (kèm theo ghế nha điều trị)	TD.KHM.1.10.97	1117168				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
543	Tay khoan phẫu thuật chiều dài mũi: 25 mm ±5 mm (kèm theo ghế nha điều trị)	TD.KHM.1.10.97	1117169				1	Cái	Khu C - Cơ sở Hòa Hưng	Khu B - Hòa Hưng
544	Tay khoan nha khoa (công suất ≥15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLux E677L:102072 4				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
545	Tay khoan nha khoa (công suất ≥15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLux E677L:102069 7				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
546	Tay khoan nha khoa (công suất ≥15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLux E677L:102072 1				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
547	Tay khoan nha khoa (công suất ≥15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLux E677L:102069 0				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
548	Tay khoan nha khoa (công suất ≥15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLux E677L:102068 1				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
549	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020693				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
550	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020686				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
551	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020688				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
552	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020683				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
553	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020687				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
554	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020723				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
555	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020679				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
556	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020722				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
557	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020696				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
558	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020691				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
559	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020694				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
560	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020685				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
561	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020682				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
562	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020692				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
563	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020684				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
564	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020695				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
565	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020689				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
566	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020719				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
567	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020698				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
568	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquem iniLuxE677L: 1020680				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
569	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105589				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
570	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105639				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
571	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105640				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
572	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105647				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
573	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105362				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
574	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105591				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
575	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105641				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
576	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105590				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
577	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105359				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
578	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105593				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
579	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105364				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
580	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105645				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
581	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105363				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
582	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105592				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
583	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105646				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
584	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105361				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
585	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105644				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
586	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105642				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
587	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105373				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
588	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105365				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
589	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105360				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
590	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105372				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
591	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105371				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
592	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105648				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
593	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Experttorquelu x E680L: 1105643				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
594	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Surgmatic S201XL: 2009859				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
595	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Surgmatic S201XL: 1006254				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
596	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Surgmatic S201XL: 1006255				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
597	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Surgmatic S201XL: 1006258				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
598	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Surgmatic S201XL: 1006256				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
599	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Surgmatic S201XL: 1006260				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
600	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Surgmatic S201XL: 1006259				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
601	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 15 W)	TD.KHM.1.10.13	Surgmatic S201XL: 1006257				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
602	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009674				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
603	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009673				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
604	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009676				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
605	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009670				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
606	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009682				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
607	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009677				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
608	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009678				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
609	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009675				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
610	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009726				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
611	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009680				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
612	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009672				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
613	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009669				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
614	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009683				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
615	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009729				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
616	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009744				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
617	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009741				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
618	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009731				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
619	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009730				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
620	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010022				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
621	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010030				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
622	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010001				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
623	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009753				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
624	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010015				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
625	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009755				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
626	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010096				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
627	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009805				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
628	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010092				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
629	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009761				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
630	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009763				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
631	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009762				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
632	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009759				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
633	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009757				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
634	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009817				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
635	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009758				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
636	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009756				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
637	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009820				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
638	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009998				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
639	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009815				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
640	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009993				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
641	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010027				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
642	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009752				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
643	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009751				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
644	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009750				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
645	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009818				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
646	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009991				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
647	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009789				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
648	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009748				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
649	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009822				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
650	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009992				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
651	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009809				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
652	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010016				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
653	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009984				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
654	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010003				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
655	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010097				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
656	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009994				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
657	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009801				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
658	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009806				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
659	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010019				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
660	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010025				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
661	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010029				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
662	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010017				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
663	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009823				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
664	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009794				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
665	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010043				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
666	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009792				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
667	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009812				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
668	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009996				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
669	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010031				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
670	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009790				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
671	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010033				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
672	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009793				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
673	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010026				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
674	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009786				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
675	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010093				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
676	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009990				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
677	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009811				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
678	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009804				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
679	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009745				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
680	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009799				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
681	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009798				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
682	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009746				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
683	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009808				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
684	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009791				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
685	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009787				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
686	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009747				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
687	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009821				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
688	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010087				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
689	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010020				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
690	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1010088				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
691	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueMiniS605C:1009819				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
692	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009807				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
693	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009987				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
694	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009810				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
695	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1010085				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
696	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1010035				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
697	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009796				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
698	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009985				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
699	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1010018				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
700	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1010028				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
701	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1010032				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
702	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009800				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
703	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1010024				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
704	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1010094				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
705	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009803				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
706	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009795				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
707	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1010002				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
708	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS609C:1047646				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
709	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS609C:1047652				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
710	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS609C:1047705				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
711	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	Smarttorque S609C:1047704				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
712	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	Smarttorque S609C:1047667				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
713	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	Smarttorque S609C:1047642				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
714	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	Smarttorque S609C:1047671				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
715	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	Smarttorque S609C:1047669				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
716	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	Smarttorque S609C:1047638				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
717	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	Smarttorque S609C:1047625				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
718	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	Smarttorque S609C:1047681				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
719	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	Smarttorque S609C:1047664				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
720	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	Smarttorque S609C:1047691				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
721	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS609C:1047647				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
722	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS609C:1047598				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
723	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS609C:1047628				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
724	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS609C:1047643				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
725	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS609C:1047648				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
726	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS609C:1047635				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
727	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS609C:1047199				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
728	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS609C:1047693				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
729	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS609C:1047656				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
730	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS609C:1047659				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
731	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS6 09C:1047626				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
732	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueS6 09C:1047637				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
733	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047639				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
734	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047632				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
735	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047202				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
736	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047706				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
737	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047631				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
738	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047657				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
739	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047634				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
740	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047658				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
741	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047695				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
742	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047654				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
743	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047701				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
744	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047596				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
745	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047668				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
746	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047661				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
747	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047665				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
748	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047644				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
749	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047700				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
750	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047641				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
751	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047687				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
752	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047688				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
753	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047698				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
754	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047655				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
755	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047633				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
756	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047615				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
757	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047678				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
758	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047627				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
759	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047636				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
760	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047200				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
761	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047663				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
762	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047689				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
763	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047673				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
764	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047672				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
765	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047662				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
766	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047630				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
767	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047660				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
768	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047699				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
769	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047629				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
770	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047712				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
771	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047711				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
772	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047692				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
773	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047694				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
774	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047675				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
775	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047674				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
776	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047621				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
777	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047645				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
778	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047680				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
779	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047640				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
780	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047690				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
781	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047686				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
782	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047609				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
783	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047595				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
784	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047623				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
785	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047624				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
786	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047622				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
787	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047606				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
788	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047620				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
789	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047599				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
790	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047562				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
791	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047612				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
792	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047604				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
793	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047605				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
794	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047619				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
795	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047608				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
796	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047597				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
797	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047603				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
798	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047602				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
799	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047601				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
800	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047600				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
801	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047617				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
802	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047616				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
803	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047613				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
804	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047618				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
805	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047614				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
806	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047607				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
807	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS6 09C:1047611				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
808	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS609C:1047610				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
809	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS609C:1047683				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
810	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS609C:1047666				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
811	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS609C:1047555				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
812	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS609C:1047696				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
813	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS609C:1047676				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
814	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.14	SmarttorqueS609C:1047653				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
815	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009813				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
816	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009814				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
817	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1010038				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
818	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009681				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
819	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009754				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
820	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1010089				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
821	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1010084				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
822	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009665				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
823	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009668				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
824	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009999				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
825	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009760				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
826	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009679				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
827	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009671				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
828	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009816				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
829	Tay khoan nha khoa (công suất ≥ 13 W)	TD.KHM.1.10.96	SmarttorqueMiniS605C:1009667				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
830	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997697				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
831	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997690				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
832	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997724				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
833	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997712				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
834	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997748				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
835	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997729				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
836	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997723				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
837	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997751				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
838	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997757				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
839	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997728				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
840	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997756				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
841	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997719				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
842	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997715				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
843	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997747				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
844	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997718				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
845	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997689				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
846	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997696				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
847	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997758				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
848	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997698				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
849	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997744				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
850	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997763				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
851	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997703				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
852	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997760				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
853	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997725				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
854	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997765				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
855	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997684				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
856	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997749				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
857	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997710				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
858	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997764				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
859	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997740				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
860	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997704				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
861	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997702				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
862	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997692				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
863	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997743				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
864	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997717				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
865	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997686				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
866	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997711				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
867	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997750				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
868	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997769				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
869	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997685				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
870	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997700				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
871	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997742				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
872	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997759				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
873	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997693				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
874	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997722				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
875	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997762				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
876	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997754				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
877	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997726				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
878	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997716				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
879	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997713				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
880	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997753				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
881	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997695				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
882	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997755				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
883	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997721				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
884	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997694				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
885	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997699				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
886	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997688				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
887	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997761				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
888	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997691				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
889	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997746				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
890	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997727				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
891	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997720				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
892	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997714				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
893	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997741				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
894	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997767				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
895	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997701				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
896	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997768				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
897	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997752				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
898	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997766				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
899	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997687				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
900	Tay khoan nha khoa thẳng	TD.KHM.1.10.96	Peca reta 500 - 2020997745				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
901	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005595				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
902	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005561				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
903	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005581				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
904	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005604				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
905	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005562				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
906	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005559				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
907	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005571				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
908	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005605				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
909	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005562				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
910	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005599				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
911	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005585				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
912	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005560				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
913	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005552				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
914	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005563				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
915	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005607				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
916	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005596				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
917	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005574				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
918	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005553				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
919	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005579				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
920	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005566				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
921	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005573				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
922	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005557				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
923	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005555				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
924	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005556				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
925	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005597				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
926	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005577				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
927	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005583				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
928	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005567				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
929	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005569				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
930	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005564				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
931	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005558				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
932	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005575				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
933	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005551				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
934	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005601				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
935	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005603				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
936	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005593				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
937	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005568				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
938	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005576				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
939	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005608				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
940	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005606				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
941	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005594				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
942	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005578				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
943	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005548				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
944	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005598				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
945	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005580				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
946	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005554				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
947	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005570				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
948	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005572				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
949	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005565				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
950	Tay khoan nha khoa khuỷu	TD.KHM.1.10.96	Contra Angulo 500 - 2020005602				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
951	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015769				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
952	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015760				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
953	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015772				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
954	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015735				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
955	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015757				1	Cái	Kho Khu C	Khu B - Hòa Hưng
956	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015748				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
957	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015764				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
958	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015781				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
959	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015790				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
960	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015786				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
961	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015758				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
962	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015734				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
963	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015787				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
964	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015740				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
965	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015780				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
966	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015762				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
967	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015774				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
968	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015713				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
969	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015710				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
970	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015747				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
971	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015783				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
972	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015745				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
973	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015751				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
974	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015744				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
975	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015795				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
976	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015727				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
977	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015782				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
978	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015743				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
979	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015746				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
980	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015778				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
981	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015761				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
982	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015737				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
983	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015766				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
984	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015711				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
985	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015773				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
986	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015754				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
987	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015789				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
988	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015793				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
989	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015741				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
990	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015755				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
991	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015767				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
992	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015739				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
993	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015785				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
994	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015736				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
995	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015784				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
996	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015788				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
997	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015776				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
998	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015792				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
999	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015756				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1000	Đuôi kiểm tốc bằng hơi	TD.KHM.1.10.96	Micromotor 500 Midwest 202015750				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1001	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093137				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1002	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1092839				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
1003	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093139				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1004	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093153				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1005	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093138				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1006	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093160				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1007	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1092831				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1008	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093025				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1009	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1092836				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1010	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093152				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1011	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093148				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
1012	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093163				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1013	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093136				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1014	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093156				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1015	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093145				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1016	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1092842				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1017	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1092913				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1018	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1092798				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1019	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093166				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1020	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093155				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
1021	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093131				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1022	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093146				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1023	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1092914				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1024	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093164				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1025	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093157				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1026	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093026				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1027	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1092837				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1028	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093130				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1029	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1092844				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
1030	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093144				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1031	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093024				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1032	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1092835				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1033	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093028				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1034	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093023				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1035	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1092833				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1036	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1092801				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1037	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1092848				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1038	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093162				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
1039	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1092838				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1040	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093147				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1041	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1092921				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1042	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1092912				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1043	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093133				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1044	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093132				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1045	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093151				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1046	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1093103				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1047	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 465LED: 1092799				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
1048	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093167				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1049	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093027				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1050	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093100				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1051	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1093154				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1052	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1092915				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1053	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1092834				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1054	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 465LED: 1092920				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1055	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 460LED: 1052726				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1056	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTiflexCoupling 460LED: 1051907				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F

DANH MỤC CẦN DI DỜI										
STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
1057	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 460LED: 1051908				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1058	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 460LED: 1051977				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1059	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 460LED: 1051927				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1060	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 460LED: 1051926				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1061	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 460LED: 1053077				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1062	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 460LED: 1051910				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1063	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 460LED: 1052741				1	Cái	Kho Khu C	Tòa F
1064	Khớp nối tay khoan	TD.KHM.1.10.13	MulTlflexCoupling 460LED: 1052713				1	Cái	Khu C	Tòa F

DANH MỤC PHỤ TÙNG CẦN THAY THẾ						
STT	Ký hiệu tài sản (Nội bộ)	Tên thiết bị	Mã hàng tham khảo hoặc tương đương	Tên	ĐVT	Số lượng
1	TD.KHM.1.3.15	Đèn mô treo trần	MN-Khungdauden	Khung đầu đèn	Cái	2
2	TD.KHM.1.20.219	Bộ mô hình thực tập dùng trong giảng dạy nha khoa (Dành cho sinh viên)	KVD-3.008.3998	Bình chứa nước - ET Pressure water tank assem. DSE Exp	Cái	9
3			KVD-1.008.7521	Bo mạch điều khiển - PCBA Unit 3002	Cái	1
4			KVD-1.000.2076	Nắp tay khoan S609C - Cover mount	Cái	5
5			KVD-1.008.4164	Turbine không có khóa mở dùng cho tay khoan S605C	Cái	5
6			KVD-0.622.0491	Bản lề trái - Hinge Box Left	Cái	10
7			KVD-0.622.0501	Bản lề phải - Hinge Box Right	Cái	10
8			KVD-1.015.1864	Bo mạch - PCBA Dentist 3002+	Cái	2
9			KVD-0.728.4132	Ron cao su - Seal big	Cái	300
10			1.013.1336	A-PCBA Dentist 3002 1.008.7523	Cái	2
11			1.008.7521	PCBA Unit 3002	Cái	2
12			1.011.8610	Worm gear drive motor	Cái	2
13	TD.KHM.1.10.27	Máy làm răng giả nha khoa	IMES-4391196000	Thiết bị gắn mũi HSK E25 20x40mm	Cái	1
14			IMES-4391316000	Thiết bị gắn mũi HSK E25 14x40mm	Cái	1
15			IMES-5260293006	Mũi - Milling tool Coritec CoCr/Ti 3.0 x 6.0mm T1/6	Mũi	1
16			IMES-5260292006	Mũi - Milling tool Coritec CoCr/Ti 2.0 x 6.0mm T2/7	Mũi	1
17			IMES-5260291506	Mũi - Ball-end cutter for metal 1.5mm x 6.0mm T3/8	Mũi	1
18			IMES-5260291006	Mũi - Milling tool Coritec CoCr/Ti 1.0 x 6.0mm T4/9	Mũi	1
19			IMES-5260021506	Mũi - shank cutter short for metal 1.5mm x 6.0mm T5/10	Mũi	1
20			IMES-5260251506	Mũi cắt kim loại Torus 1.5x6mm T63	Mũi	1
21			IMES-5260281506	Mũi cắt Torus Ti/Cocr 1.5x6.0mm T64	Mũi	1

DANH MỤC PHỤ TÙNG CẦN THAY THẾ

STT	Ký hiệu tài sản (Nội bộ)	Tên thiết bị	Mã hàng tham khảo hoặc tương đương	Tên	ĐVT	Số lượng
22			IMES-5260211506	Mũi cắt kim loại Ti/Cocr 1.5x0.6mm T68	Mũi	1
23			IMES-5260022006	Mũi đầu tròn cắt Ti/Cocr 2.0x6.0mm T67	Mũi	1
24			IMES-5260252006	Mũi cắt kim loại 2.0x6.0mm T62	Mũi	1
25			IMES-5260030606	Mũi cắt kim loại 0.6x0.6mm T20	Mũi	1
26			IMES-5260191506	Mũi cắt Zr 1.5x0.6mm T16	Mũi	1
27			IMES-5260120606	Mũi đầu tròn dài cắt Pmma/Wax/Zr 0.6x0.6mm T32	Mũi	1
28			IMES-5260192506	Mũi Coritec Zr/PMMA/Wax 2.5 x 6.0mm T11/13	Mũi	1
29			IMES-5260191006	Mũi Coritec Zr/PMMA/Wax 1.0 x 6.0mm T12/14	Mũi	1
30			IMES-5260051006	Mũi - glass ceramic grinding tool 1.0mm x 6.0mm	Mũi	1
31			IMES-5260050606	Mũi - glass ceramic grinding tool 0.6mm x 6.0mm	Mũi	1
32			IMES-5260052506	Mũi - glass ceramic grinding tool 2.5mm x 6.0mm	Mũi	1
33			IMES-5260303006	Mũi cắt kim loại 3.0x0.6mm T26	Mũi	1
34			IMES-5260302006	Mũi cắt kim loại 2.0x0.6mm T27	Mũi	1
35			IMES-5260301506	Mũi - Milling tool Coritec CoCr/Ti 1.5 x 6.0mm T28	Mũi	1
36			IMES-5260301006	Mũi cắt kim loại 1.0x0.6mm T29	Mũi	1
37			IMES-5260190306	Mũi đầu tròn dài cắt Pmma/Wax/Zr 0.3x0.6mm T33	Mũi	1
38			IMES-2010090201	Nước làm mát Spindle 350i pro+ can 5L	Can	1

DANH MỤC PHỤ TÙNG CẦN THAY THẾ						
STT	Ký hiệu tài sản (Nội bộ)	Tên thiết bị	Mã hàng tham khảo hoặc tương đương	Tên	ĐVT	Số lượng
39	TD.KHM.1.7.123	Nồi hấp tiết trùng	MEL-67200	Màn hình cảm ứng màu - Colour-touch-display for Premium-Plus-Class /C45/C45M	Cái	1
40	TD.KHM.1.1.1.5	Máy X-Quang nha khoa, FOV $\geq 13 \times 15$	PLD-SP01157	Màn hình Máy OP 3D Pro - TOUCH SCREEN COVERS WITH GLASS	Cái	1

Ghi chú:

- Nhà thầu thực hiện toàn bộ dịch vụ di dời theo yêu cầu chi tiết được mô tả ở trên.
- Riêng trong “DANH MỤC CẦN DI DỜI” từ STT 322 đến STT 1064 Khoa Răng Hàm Mặt sẽ tự kiểm kê, đóng gói, niêm phong. Nhà thầu cung cấp vật tư đóng gói (thùng giấy, băng keo...), nhân công bốc xếp và xe vận chuyển. Dự kiến khối lượng 30 thùng giấy kích thước 60 x 40 x 30 cm và 10 thùng giấy kích thước 735 x 490 x 530 cm.
- Các danh mục được đánh dấu (*) trong quá trình di dời cần được thực hiện hoặc giám sát bởi kỹ sư, kỹ thuật viên được đào tạo bởi hãng sản xuất hoặc có chứng chỉ trong việc hiệu chuẩn thiết bị tương tự để đảm bảo thiết bị an toàn trong quá trình tháo, vận chuyển và lắp đặt. Riêng các danh mục được đánh dấu (*) gồm STT 231, 232, 233, 234, 238, 239, 240, 243, 248, 257, 258 sau khi lắp đặt phải có dán tem kiểm định.
- Các danh mục được đánh dấu (**) sẽ thực hiện di dời và lắp đặt 02 lần (Lần 1 di dời từ Hòa Hưng về Tân Nhứt và thực hiện lắp đặt vào 1 phòng tạm tại Tầng 3 Tòa nhà F. Sau khi có mặt bằng chính thức tại Tầng 2 Tòa nhà T sẽ tháo dỡ, di dời từ phòng tạm Tầng 3 về Tầng 2 lắp đặt lại).

DANH MỤC KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

GÓI 2: Di dời thiết bị chuyên dụng Lab Sinh học miệt

I. Yêu cầu chung

1. Định nghĩa “Di dời”

Di dời thiết bị, vật tư, công cụ, dụng cụ và hóa chất là quá trình thực hiện đồng bộ các hoạt động kỹ thuật, nghiệp vụ và quản lý nhằm chuyển toàn bộ tài sản từ cơ sở Hòa Hưng đến cơ sở Tân Nhựt. Quá trình này bao gồm nhưng không giới hạn các công việc: kiểm kê, đối chiếu hồ sơ tài sản; đánh giá hiện trạng; phân loại tài sản theo tính chất kỹ thuật và mức độ rủi ro; xây dựng phương án di dời; tháo dỡ; đóng gói, đóng thùng, ghi nhãn; bốc xếp; vận chuyển; bảo quản trong suốt quá trình di dời; tái lắp đặt; căn chỉnh; sửa chữa hoặc thay thế các chi tiết hư hỏng được phát hiện trước khi tháo dỡ (nếu có); vệ sinh, kiểm tra kỹ thuật; hiệu chuẩn, kiểm định theo quy định hoặc theo yêu cầu của nhà sản xuất (đối với các thiết bị có yêu cầu); chạy thử, nghiệm thu, vận hành và bàn giao đưa vào sử dụng. Việc di dời phải bảo đảm an toàn lao động, an toàn sinh học (đối với hóa chất và thiết bị chuyên ngành), an toàn phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường, bảo đảm nguyên trạng tài sản, hạn chế tối đa hư hỏng, thất thoát, duy trì đầy đủ công năng và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng theo thiết kế hoặc hướng dẫn của nhà sản xuất sau khi hoàn thành việc di dời.

2. Mô tả dịch vụ và yêu cầu:

- Khảo sát thực tế danh mục cần di dời, đánh giá rủi ro kỹ thuật và môi trường;
- Xây dựng phương án kỹ thuật chi tiết: quy trình tháo dỡ, đóng gói, vận chuyển và hiệu chuẩn;
- Lập báo giá bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện di dời, làm cơ sở để Trường lập dự toán và xác định giá gói thầu;
- Tư vấn giải pháp đảm bảo duy trì độ chính xác và an toàn cho máy móc, thiết bị;
- Kiểm tra tình trạng hoạt động trước và sau khi di dời;
- Tháo gỡ, đóng gói trước khi di dời và lắp đặt sau khi di dời;
- Di dời đến địa điểm mới;

- Bảo trì, sửa chữa (nếu có) sau khi di dời;
- Kiểm tra, chuẩn đoán hư hỏng xảy ra sau khi lắp đặt (nếu có) và đề ra phương án sửa chữa. Mọi hư hỏng hoặc tổn thất trong quá trình di dời mà lỗi được xác định nguyên nhân do nhà thầu thì nhà thầu chịu trách nhiệm sửa chữa hoặc bồi hoàn bằng công cụ, dụng cụ, vật tư, hóa chất, thiết bị mới tương đương sau khi được Trường chấp thuận;
- Hiệu chuẩn thiết bị sau khi di dời;
- Cung cấp nhân công thực hiện khảo sát địa điểm nhận hàng và địa điểm trả hàng;
- Cung cấp nhân công thực hiện di dời từ địa điểm nhận hàng đến địa điểm trả hàng theo yêu cầu của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;
- Cung cấp vật tư đóng thùng và các thao tác để bảo vệ thiết bị chuyên dụng;
- Cung cấp xe tải di chuyển từ Hòa Hưng về Tân Nhựt;
- Cung cấp xe cẩu để vận chuyển thiết bị (nếu cần).



Vị trí:

- + Địa điểm nhận hàng: Tầng 3,4,5 thuộc Khu C - Số 01 Dương Quang Trung, phường Hoà Hưng, TP. Hồ Chí Minh *(vị trí lắp đặt hiện tại)*.
- + Địa điểm trả hàng: Một phần tầng Hầm và các Tầng 1,2,3 – Tòa nhà F (Trung tâm Xét nghiệm Y khoa), Số 04 Trần Hữu Nghiệp, Xã Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh *(vị trí lắp đặt mới)*.



Các đơn vị quan tâm thực hiện khảo sát báo giá theo khối lượng công việc thực tế. Ghi rõ đơn giá cho từng hạng mục công việc cụ thể. Liên hệ khảo sát: ThS. Trần Thu Thảo, Chuyên viên Phòng Thiết bị - Dự án, số điện thoại: 0366.966.024.

II. Danh mục chi tiết

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
1	Máy nhân gen tốc độ cao, block nhiệt 96 giếng (*)	TD.KHM.1.2.171	2978019043868 297813270	ProFlex	Singapore	Applied Biosystems/ Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific - Mỹ	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
2	Hệ thống điện di ngang và Bộ nguồn	TD.KHM.1.2.172	079653	Mupid®-One	Nhật Bản	NIPPON Genetics	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
3	Bộ điện di trên gel polyacrylamide	TD.KHM.1.2.173	190821235	OmniPAGE Mini	Anh	Cleaver Scientific - Anh	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
4	Máy quang phổ XRD (*)	TD.KHM.1.2.174	214614	D8 ADVANCE ECO	Đức	BRUKER AXS – Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
5	Máy đo quang phổ UV-VIS (*)	TD.KHM.1.6.8	B051361127	V730	Nhật Bản	JASCO - Nhật Bản	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
6	Máy đo pH	TD.KHM.1.6.9	19060998	Lab 865 (Order no. 285206710)	Đức	SI ANALYTICS – Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
7	Máy đo Ionmeter	TD.KHM.1.6.12	1781001022044	781 pH/Ion Meter	Thụy Sĩ	Metrohm - Thụy Sĩ	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
8	Máy đo độ cứng Vickers (*)	TD.KHM.1.6.13	200334	ALPHA-MHT-1000Z	Mỹ	Pace Technologies - Mỹ	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
9	Máy đo độ mài mòn (*)	TD.KHM.1.6.14	TC191202452	QT-TA100	Mỹ	Qualitest-Mỹ	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
10	Tủ hút khí độc	TD.KHM.1.7.70	2019-145654	EFH-5A8	Indonesia	ESCO - Singapore	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
11	Tủ cấy vi sinh	TD.KHM.1.7.71	2019-139767	LVG-4AG-F8	Indonesia	Esco – Singapore	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
12	Tủ sấy dụng cụ	TD.KHM.1.7.73	B419.2953	UF110	Đức	Memmert - Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
13	Tủ cấy vô trùng dòng thổi đứng	TD.KHM.1.7.74	2019-135798	ACB-4A1	Indonesia	Esco – Singapore	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
14	Nồi hấp ≥ 24 L loại ngang	TD.KHM.1.7.75	1900108012-002	SA-252F	Đài Loan	STURDY – Đài Loan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
15	Nồi hấp tiệt trùng đứng ≥ 50 L	TD.KHM.1.7.76	190108010-004	SA-300VF	Đài Loan	STURDY – Đài Loan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
16	Cân phân tích 4 số	TD.KHM.1.7.78	32007510	PRACTUM22 4-1S	Đức	Sartorius Lab Instruments GmbH - Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
17	Cân phân tích 4 số	TD.KHM.1.7.78	32306156	PRACTUM22 4-1S	Đức	Sartorius Lab Instruments GmbH - Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
18	Máy ủ nhiệt kèm lắc rung cho ống 1.5 và 2.0ml	TD.KHM.1.7.79	1014319100723	TS 100C	Latvia (Châu Âu)	Biosan- Latvia	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
19	Máy tạo nước khử ion	TD.KHM.1.7.80	2121920000654	Micro Pure UV with tank	Thụy Điển	Thermo Scientific -Mỹ	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
20	Máy cất nước 2 lần	TD.KHM.1.7.81	R000103302	A4000D	Anh	Stuart (Cole - Parmer) - Anh	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
21	Máy ly tâm lạnh để bàn	TD.KHM.1.7.82	66B1900228	Z 326K	Đức	Hermle - Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
22	Máy ly tâm thường	TD.KHM.1.7.82	601900402	Z206A	Đức	Hermle- Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
23	Máy Spindown mẫu	TD.KHM.1.7.83	HD187AD0000 028	QUICKSPINP LUS	Hàn Quốc	Cleaver Scientific -Anh	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
24	Máy Spindown mẫu	TD.KHM.1.7.83	HD1944H0000 060	QUICKSPINP LUS	Hàn Quốc	Cleaver Scientific -Anh	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
25	Máy khuấy từ gia nhiệt	TD.KHM.1.7.84	MC188AL0001866	MS-H-S	Trung Quốc	DLAB - Mỹ	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
26	Máy khuấy từ gia nhiệt	TD.KHM.1.7.84	MC217AR0000004	MS-H-S	Trung Quốc	DLAB - Mỹ	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
27	Hệ thống hút cặn chất lỏng	TD.KHM.1.7.85	102805207	BVC Control	Đức	Vacuubrand - Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
28	Lò nung xử lý vật liệu	TD.KHM.1.7.86	376241	LHT 02/17	Đức	Nabertherm - Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
29	Bể ủ nhiệt khô có làm lạnh	TD.KHM.1.7.115	5383IP402285	ThermoStat C	Đức	Eppendorf - Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
30	Hệ thống chụp ảnh gel điện di	TD.KHM.1.7.121	191106007	OmniDOC	Đài Loan	Cleaver Scientific - Anh	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
31	Thiết bị thu tế bào huyền phù từ mô	TD.KHM.1.7.127	5705	gentleMACS	Đức	Miltenyi Biotec - Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
32	Lò vi sóng $\geq 23L$	TD.KHM.1.7.160	23ATR16040119	AEM-G3874ST	Trung Quốc	AQUA - Nhật Bản	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
33	Máy lắc Vortex	TD.KHM.1.7.1005	08112384	Lab dancer	Malaysia	IKA - Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
34	Máy lắc Vortex	TD.KHM.1.7.1005	08112386	Lab dancer	Malaysia	IKA - Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
35	Tủ thao tác PCR	TD.KHM.1.7.73	2019-135798	SCR-2A1	Indonesia	Esco – Singapore	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
36	Máy cắt mẫu bằng đĩa kim cương	TD.KHM.1.9.3	PI-P-1214-021	PICO 155P	Mỹ	Pace Technologies - Mỹ	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
37	Máy mài và đánh bóng vật liệu	TD.KHM.1.10.48	Máymài:N1-S-0919-013; HTđimẫu:FE-11-S-0420-042	Máy mài: NANO 1000S HT di mẫu: FEMTO 1500S	Mỹ	Pace Technologies - Mỹ	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
38	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH66199	Finnpipette F2	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
39	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH66193	Finnpipette F3	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
40	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH66200	Finnpipette F4	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
41	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH66201	Finnpipette F5	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
42	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH32003	Finnpipette F6	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
43	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH32004	Finnpipette F7	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
44	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH32009	Finnpipette F8	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
45	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH32011	Finnpipette F9	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
46	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH42900	Finnpipette F10	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
47	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH42898	Finnpipette F11	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
48	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH42899	Finnpipette F12	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
49	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH40243	Finnpipette F13	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
50	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH70963	Finnpipette F14	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
51	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH70967	Finnpipette F15	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
52	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH70969	Finnpipette F16	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
53	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH70970	Finnpipette F17	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
54	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH65122	Finnpipette F18	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
55	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH65123	Finnpipette F19	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
56	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH65124	Finnpipette F20	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
57	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH65127	Finnpipette F21	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
58	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH36356	Finnpipette F22	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
59	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH36344	Finnpipette F23	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
60	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH40606	Finnpipette F24	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
61	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH40607	Finnpipette F25	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
62	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH38708	Finnpipette F26	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
63	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH38709	Finnpipette F27	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
64	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH38710	Finnpipette F28	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
65	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH38711	Finnpipette F29	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
66	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH30374	Finnpipette F30	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
67	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH30373	Finnpipette F31	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
68	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH30358	Finnpipette F32	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
69	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH30359	Finnpipette F33	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
70	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH70163	Finnpipette F34	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
71	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH70164	Finnpipette F35	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
72	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH70165	Finnpipette F36	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
73	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH70166	Finnpipette F37	Phản Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phản Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
74	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH44684	Finnpipette F38	Phản Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phản Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
75	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH44687	Finnpipette F39	Phản Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phản Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
76	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH44688	Finnpipette F40	Phản Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phản Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
77	Bộ Micropipette đơn kênh với nhiều dung tích	TD.KHM.1.10.96	QH44689	Finnpipette F41	Phân Lan	Thermo Fisher Scientific Oy - Phần Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
78	Máy cắt lát mô	TD.KHM.1.10.13	60-1359	CUT 4060	Đức	microTEC – Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
79	Kính hiển vi soi nổi	TD.KHM.1.11.21	2003989	SMZ745T	Trung Quốc	Nikon- Nhật Bản	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
80	Kính hiển vi phân cực	TD.KHM.1.11.22	611396	ECLIPSE E200 POL	Nhật Bản	Nikon- Nhật Bản	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
81	Kính hiển vi 3 mắt	TD.KHM.1.11.23	630235	ECLIPSE E200(LED)	Trung Quốc	Nikon- Nhật Bản	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
82	Kính hiển vi 3 mắt	TD.KHM.1.11.23	630239	ECLIPSE E200(LED)	Trung Quốc	Nikon- Nhật Bản	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
83	Kính hiển vi 3 mắt	TD.KHM.1.11.23	630267	ECLIPSE E200(LED)	Trung Quốc	Nikon- Nhật Bản	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
84	Kính hiển vi 3 mắt	TD.KHM.1.11.23	630262	ECLIPSE E200(LED)	Trung Quốc	Nikon- Nhật Bản	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
85	Kính hiển vi 3 mắt	TD.KHM.1.11.23	630244	ECLIPSE E200(LED)	Trung Quốc	Nikon- Nhật Bản	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
86	Hệ thống theo dõi và ghi hình ảnh tế bào trong tủ ấm	TD.KHM.1.11.24	B18Z0090	CytoSMART™ 2 System	Đức	Lonza - Hà Lan	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
87	Tủ bảo quản mẫu	TD.KHM.1.13.4	930209	SMR-PT330A	Thái Lan	Panasonic - Nhật Bản	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
88	Tủ trữ mẫu 2 nhiệt độ $\leq 2^{\circ}\text{C}$ - $\geq 14^{\circ}\text{C}$	TD.KHM.1.13.8	19090513	MPR-S313-PE	Nhật Bản	PHC Corporation - Nhật Bản	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhựt)
89	Tủ lạnh âm ≤ -80oC	TD.KHM.1.13.9	19100081	MDF - U33V-PE	Nhật Bản	PHC Corporation - Nhật Bản	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
90	Tủ ẩm	TD.KHM.1.13.15	D4190911	IN110	Đức	Memmert - Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
91	Tủ ẩm CO2	TD.KHM.1.13.16	619.0131	ICO105med	Đức	Memmert - Đức	1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
92	Bàn để dụng cụ thí nghiệm						1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

STT	Tên	Ký hiệu quản lý tài sản (Nội bộ)	Serial	Model	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Vị trí lắp đặt cũ (Hòa Hưng)	Vị trí lắp đặt mới (Tân Nhật)
93	Kệ tủ có Lavabo rửa tay chuyên dụng thí nghiệm						4	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
94	Kệ tủ chuyên dụng						1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F
95	Bình CO2						1	Cái	Phòng 3.4, Tầng 3 Tòa nhà C	Tầng 3 Tòa nhà F

 **Ghi chú:** Các danh mục được đánh dấu (*) trong quá trình di dời cần được thực hiện hoặc giám sát bởi kỹ sư, kỹ thuật viên được đào tạo bởi hãng sản xuất hoặc có chứng chỉ trong việc hiệu chuẩn thiết bị tương tự để đảm bảo thiết bị an toàn trong quá trình tháo, vận chuyển và lắp đặt.

- Sau khi di dời và lắp đặt lại các thiết bị được hiệu chuẩn hoạt động theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất, có biên bản xác nhận giữa kỹ sư hãng và các bên liên quan khi thực hiện; nhà thầu cung cấp mọi vật tư, hóa chất...chính hãng cần cho quá trình hiệu chuẩn này. Riêng các Danh mục STT 6, 14, 15, 16, 17 sau khi di dời và lắp đặt lại, phải thực hiện kiểm định có dán tem.